

XÂY DỰNG NÊN KINH TẾ KHÁNG CHIẾN VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI (1946 - 1949)

▲ ThS. ĐẶNG HOÀNG SANG

Đầu năm 1947, trong vùng căn cứ, chính quyền cách mạng chủ trương tạm quản hàng ngàn ha ruộng đất vắng chủ, đất hoang hóa để tạm cấp, giao cho nông dân. Tại xã Mỹ Xương (huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc), đất công điền cạnh sông Tiền và lộ 30, bình quân mỗi người được 1 công¹. Từ lộ 30 trở vào Đồng Tháp Mười khoảng 3 công/người.

Còn tại huyện Châu Thành (Mỹ Tho), mỗi nhân khẩu được 5 công. Kế đến là những khu vực tiếp giáp (từ lộ Đông Dương, tỉnh lộ 30 vào Đồng Tháp Mười khoảng vài km), đất tương đối tốt nên mỗi nhân khẩu trung bình từ 5 - 10 công đất (thấp nhất là 5 công, cao nhất là vài mẫu)².

Riêng khu vực trung tâm, nơi giáp ranh các huyện Mộc Hóa, Tân Thạnh, Vĩnh Hưng (Tân An), Cao Lãnh (Sa Đéc) và Cái Bè, Cai Lậy (Mỹ Tho), đất rộng người thưa nên mỗi hộ nông dân được cấp diện tích đất khá lớn. Đặc biệt, ở Tân Thạnh được chia theo công thức "trăm ngang, ngàn dọc" (bề ngang 100 mét, bề dài 1.000 mét, tức 10 mẫu)³.

Ngoài ra, chính sách giảm tô, tức cho nông dân được chính quyền cách mạng thực hiện một cách triệt để. Huyện Châu Thành (Mỹ Tho) đã giảm 15% mức tô và 25% mức tức. Đặc biệt, có nơi giảm 50% mức thu tô.

Có thể nói, chủ trương tạm cấp đất của chính quyền cách mạng đã "chấm dứt về cơ bản sự bóc lột địa chủ đối với nông dân... trả về cho thế hệ con cháu những lưu dân đầu tiên quyền làm chủ mảnh đất lẽ ra họ phải có từ lâu. Cuộc tạm cấp đất cho dân cày đã tạo nên hậu thuẫn mạnh mẽ của một hậu phương vô tận dành cho cuộc kháng chiến"⁴ ở đây.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, phần lớn địa chủ người Tây và người Việt tại Đồng Tháp Mười bỏ chạy về thành thị. Thực hiện khẩu hiệu: "Ruộng đất về tay dân cày", chính quyền cách mạng đã lây đất này cấp phát cho nông dân như ở Hồng Ngự để chia cấp hơn 10.000 ha.

Ở vùng ven căn cứ địa, nhiều nơi nhân dân từ vùng tạm chiếm tản cư vào ở rất đông như Láng Tượng, Bắc Dầu, Quán Tre, Sa Rài, Thông Bình, Tân Thành, Gây Cờ Đen, Gò Tháp, Động Cát... Để giải quyết đời sống cho đồng bào và phục vụ kháng chiến, chính quyền cách mạng chủ trương vận động khai hoang, phục hóa, tổ chức thành lập các tổ vận đỗi công, các hợp tác xã nông nghiệp. Một số hợp tác xã hình thành ở Bình Thạnh (Hồng Ngự); thành lập cơ sở dệt vải ở Láng Chim Dài; ở Hồng Ngự, lập một số lò rèn, trại đóng xuống, tổ chức trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt vải...

Một số nơi nông dân tự nguyện nộp 40% thu nhập cho cách mạng. Năm 1947 ở huyện Hồng Ngự, sau mùa cất lúa, đồng bào đã góp cho kháng chiến 8.000 gạ (160 tấn) cùng với 600.000 đồng tiền Đông Dương.

Nhiều nơi, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc đẩy mạnh cuộc vận động quyên góp vào quỹ kháng chiến; phong trào “hũ gạo nuôi quân”, “con gà, bụi chuối kháng chiến” phát triển rộng khắp. Nhân dân nhiệt tình hưởng ứng phong trào đỡ đầu bộ đội. Có xã lo ăn, mặc cho cả tiểu đoàn. Các cơ quan và lực lượng vũ trang trong vùng căn cứ địa đều cố gắng tăng gia sản xuất, tự túc lương thực bằng hình thức khai hoang làm lúa (cấy thêm 24.000 ha), bắp (1.800 ha), trồng khoai (3.018 ha), tía đậu, trồng tràm cải tạo địa hình; đào đìa, chài lưới để bắt tôm cá; nhiều đơn vị còn nuôi heo, gà, vịt để cải thiện đời sống.

Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ còn có chủ trương giúp 1 triệu đồng vốn để người dân có đủ nguồn lực canh tác nông nghiệp, đi đến tự túc nhu cầu lương thực trong vùng căn cứ. Từ năm 1948 về sau, các cơ quan, đơn vị bộ đội vùng căn cứ không chỉ tự túc được ăn, mặc; mà còn tiếp tế gạo cho miền Đông Nam Bộ và Liên Khu 5.



Quân giải phóng miền Nam hoạt động trong khu vực Đồng Tháp Mười.

mặc cho quân Pháp bắn phá, ném bom ác liệt cũng không sao phá được. Rõ ràng, “hệ thống các chợ thực sự đã phá tan kế hoạch chia cắt của địch và góp phần làm cho nền thương nghiệp kháng chiến phát triển không ngừng”.

Về giao thông liên lạc, hệ thống kinh rạch chằng chịt được thực dân Pháp tổ chức nạo vét trước năm 1945 đã trở thành “giải pháp sinh tử”⁸ cho giao thông tại căn cứ địa Đồng Tháp Mười. Năm 1947, từ đây đi các nơi có 2 tuyến liên lạc: liên lạc vận tải các khu tỉnh với căn cứ địa và liên lạc nội bộ các cơ quan Nam Bộ, chủ yếu sử dụng giao thông đường thủy. Với những chiếc ghe tam bản nhỏ, dài luồn lách qua các kênh rạch phục vụ hiệu quả cho việc đi lại của cán bộ, bộ đội và nhân dân; làm nhiệm vụ tiếp tế vũ khí, lương thực, hậu cần cho vùng căn cứ.

Ngoài ra, chính quyền cách mạng còn cho kiến tạo các con kinh, mở các tuyến đường giao thông phục vụ kháng chiến, gọi là “kinh kháng chiến”. Ở Cái Bè (Mỹ Tho) đào được 54 con kinh kháng chiến với tổng chiều dài khoảng 232.763 mét; ở Tân An có kinh Gò Thành – Cổ Ống từ Vĩnh Hưng đến Mộc Hóa dài 18 km; ở Cao Lãnh có kinh Ông Hai dài 2 km, kinh Mỹ Phước, kinh Đập Đá dài 3 km... Trong hệ thống các kinh rạch này, ngành giao thông liên lạc Nam bộ còn tổ chức một tuyến giao thông quan trọng, gọi là “kinh liên lạc đặc biệt”. Nó được phủ một lớp lục bình mỏng, có thả chà gai ngụy trang, khi có việc hỏa tốc thì dùng xuồng ba lá kéo dạt lục bình qua hai bên để đi theo quy ước. Đường liên lạc còn được thiết lập từ Đồng Tháp Mười đến cả Trung ương, vượt qua hàng nghìn cây số, mất hơn 6 tháng mới tới nơi. Ngoài ra, hệ thống các kinh rạch ở đây còn làm thủy lợi

phục vụ cho khai hoang và phát triển sản xuất nông nghiệp. Lịch sử đã ghi nhận nhiều kinh rạch trở thành những “chiến sĩ” oai hùng chặn bước tiến càn quét vào căn cứ địa của giặc Pháp, là “mồ chôn” xe tăng, tàu chiến, binh lính Pháp...

Không chỉ có những con đường giao thông thủy phục vụ kháng chiến, trên bầu trời tự do Đồng Tháp Mười còn có những chim bồ câu di thư. Đó là những “chiến sĩ liên lạc” âm thầm, lặng lẽ mang tin tức quân báo quan trọng về cho lãnh đạo và chỉ huy cấp cao ứng phó kịp thời với những âm mưu càn quét vào căn cứ địa của giặc.

Tại Chiến khu còn hình thành các “chợ đêm bùng biển” nhộn nhịp như chợ Thiên Hộ, chợ Ngã Sáu (Cái Bè) và nổi tiếng nhất là chợ Mỹ An nằm trên kinh Nguyễn Văn Tiệp. “Chợ đêm chạy dài ven kinh và rải rác khắp các mỏm doi, ngang dọc chừng hai cây số: Hàng đêm có hàng ngàn người tụ tập tại đây... Trên kinh số ghe xuồng mua bán đi lại không ngừng, một số thì cắm xuồng đậu vây chặt lấy mỏm doi”⁹.

Mặt hàng được bán tại chợ rất phong phú và đa dạng, chủ yếu là nông sản và các nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ cho sinh hoạt. Theo đó, việc trao đổi hàng hóa tại các chợ trong vùng căn cứ địa và với vùng bị tạm chiếm diễn ra thường xuyên, tấp nập,

Về tài chính, ở đây lác đác có tiền của Chính phủ Trung ương đưa vào chủ yếu là tiền 100 đồng. Khi thiếu tiền chi do nhu cầu kháng chiến, một số tỉnh có in tiền phiêu do Chủ tịch tỉnh ký nhưng chỉ có giá trị lưu hành trong tỉnh. Năm 1947, lợi dụng việc kháng chiến phải dùng tiền Đông Dương Ngân hàng, quân Pháp gỡ thủ đoạn hủy đồng 100 cũ nhằm cướp tài sản của nhân dân và làm kiệt quệ quỹ kháng chiến. Nguyễn Thành Vinh, Ủy viên Tài chính của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đề nghị giải pháp đóng dấu chính quyền cách mạng trên tờ giấy bạc để khắc phục tình trạng thiếu tiền lẻ và cho lưu hành. Sáng kiến này đem lại *"kết quả mỹ mãn: hiện giờ, giấy nhỏ có đủ xài trong vùng ta và đồng thời, giấy 100 đồng được dân chúng tín nhiệm"*⁹.

Như vậy, tuy trong tình thế bị đối phương phong tỏa, nhưng nền kinh tế kháng chiến trong vùng Đồng Tháp Mười vẫn *"bảo đảm tự cung tự cấp những nhu cầu tối thiểu về đời sống của đồng bào trong vùng tự do, đồng thời cung ứng đủ cho lực lượng vũ trang "ăn no, đánh thắng"*¹⁰.

Đ.H.S

CHÚ THÍCH:

- ¹ 1 mẫu bằng 10 công (1 công = 1 sào); 1 công hay 1 sào đất Nam Bộ là 1.000m², ở Trung bộ là 500m², ở Bắc Bộ là 360m². Cách tính diện tích theo đơn vị mẫu hay sào tùy theo từng vùng.
- ² Ngô Văn Bé: *Lịch sử phát triển vùng Đồng Tháp Mười (1945 – 1995)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr.51.
- ³ Thạch Phương – Lưu Quang Tuyền: *Địa chí Long An*, Nxb. Long An và Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.60.
- ⁴ Hội đồng Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh: *Địa chí Đồng Tháp Mười*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.306.
- ⁵ Cục Văn thư Lưu trữ Nhà nước – Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III: *Nam Bộ kháng chiến 1945 – 1954*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2013, t.2, tr.22.
- ⁶ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp: *Xứ ủy Nam bộ với chiến khu Đồng Tháp Mười huyền thoại (1946 – 1949)*, Nxb. Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2011, tr.530.
- ⁷ Nguyễn Ngọc Minh (Chủ biên): *Kinh tế Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến kháng chiến thắng lợi (1945 – 1954)*, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1966, tr.237.
- ⁸ Phong Đặng: *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945 – 2000*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002, t.1, tr.319.
- ⁹ Cục Văn thư Lưu trữ Nhà nước – Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III: *Nam Bộ kháng chiến 1945 – 1954*, Sđd, t.2, tr.396.
- ¹⁰ Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 – 1975: thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.364.

MẶT TRẬN DÂN TỘC...

(Tiếp theo trang 3)

manh tổng hợp của cả dân tộc tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, đánh bại từng chiến lược chiến tranh, tiến lên đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Với thực tế đó, Mặt trận tồn tại như một chính thể và Ủy ban Trung ương Mặt trận hoạt động như một chính phủ lâm thời, đại diện cho các vùng thuộc quyền kiểm soát, quản lý của mình. Trước sự phát triển mạnh mẽ của Mặt trận và cách mạng miền Nam, Trung ương Cục đã ra Chỉ thị 13-CTNT, ngày 25/5/1968 về đổi tên Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng các cấp thành Ủy ban nhân dân cách mạng. Tiếp đó, từ ngày 06 đến ngày 08/6/1969, Đại hội đại biểu Quốc dân ở miền Nam đã quyết định thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt

Nam, tạo vị thế chính trị mới cho phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam chống đế quốc Mỹ và chế độ ngụy quyền Sài Gòn.

Trong suốt những năm kháng chiến chống Mỹ - Ngụy, Mặt trận là nơi tổ chức và lãnh đạo các lực lượng yêu nước ở miền Nam, phối hợp với lực lượng vũ trang. Mặt trận lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị trên cả ba vùng miền chiến lược với nhiều hình thức và phương pháp thích hợp. Những thắng lợi toàn diện của Mặt trận dân tộc giải phóng đã làm hình thành trên thực tế *"3 tầng mặt trận"*, đó là: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào và Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc

Mỹ xâm lược. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất phát triển đến đỉnh cao, tổng hợp toàn bộ kinh nghiệm của lịch sử, vận dụng hết sức sáng tạo vào điều kiện đấu tranh mới cực kỳ gian khổ, phức tạp chống đế quốc Mỹ tay sai, hoàn thành sứ mệnh vô cùng vinh quang. Đây là sự phát triển rực rỡ và là thắng lợi to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết./

N.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1. Trần Trọng Trung, *Sự ra đời của Nghị quyết 15 và đường chiến lược 559 kháng định quyết tâm giải phóng miền Nam - Tạp chí lịch sử Đảng, số 4/2009.*
- 2. Tổ chức và hoạt động của Mặt trận dân tộc GPMNVN và Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam qua tài liệu, tư liệu lưu trữ (1960 – 1975), Nxb. Tổng hợp Tp.HCM.